

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST

Ngày: 14/8/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Vân

2/ Ông Trần Văn Nhị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2018/TLST-DS, ngày 09/5/2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-DS, ngày 25/7/2018 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp 4, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 3, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp 3, xã MT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà T, bà Tr có mặt, ông H vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ngày 30/11/2017 âm lịch, bà có cho bà Nguyễn Thị Tr vay 22.000.000đ, lãi suất 30%/tháng, nhưng từ ngày vay tới nay bà Tr chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào. Khi bà cho vay là có làm giấy tay do bà Tr viết và ký tên. Bà có gửi đơn kiện đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện X nhưng bà Tr không thừa nhận nợ, không chịu trả nợ cho bà.

Khi vay tiền, bà Tr nói mục đích để đổ đất. Do đó, bà yêu cầu bà Tr và chồng là ông Phạm Văn H liên đới cùng trả 22.000.000đ, lãi suất 0,75%/tháng tính từ tháng 12/2017 âm lịch (từ khi cho vay) cho đến khi xét xử sơ thẩm.

* *Theo lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Tr trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà không có vay tiền của bà T ngày 30/11/2017 mà là ngày 30/10/2015 với số tiền 22.000.000đ. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà góp cho bà T 660.000đ cho đến khi trả hết nợ. Từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2017 tổng cộng bà đã góp cho bà T được 17.820.000đ nhưng không làm biên nhận. Giấy tay vay tiền ngày 30/11/2017 bà T cung cấp cho Tòa nội dung do ai ghi thì bà không biết, nhưng chữ viết và chữ ký tên trong giấy vay tiền này là của bà. Mục đích bà vay tiền là để chơi hụi, ông H chồng bà không biết việc bà vay tiền của bà T vì vợ chồng bà đã ly thân được 01 năm.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà không đồng ý vì bà đã trả góp cho bà T được số tiền 17.820.000đ. Bà chỉ đồng ý trả tiếp số tiền còn lại là 4.180.000đ.

** Ông Phạm Văn H trình bày tại bản tự khai ngày 28/5/2018, 25/7/2018 có nội dung như sau:*

Việc tiền bạc giữa bà Trần Thị T và Nguyễn Thị Tr, ông không có liên quan, không có trách nhiệm vì ông không biết gì hết. Tiền bạc trong nhà do ông quản lý, chi trả. Do đó, ông không đồng ý trả nợ cho bà T.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các thông báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hợp lệ, nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị T với bà Nguyễn Thị Tr là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã MT, huyện X, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 điều 26, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên họp công bố chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị T xác định có cho bà Nguyễn Thị Tr vay 22.000.000đ ngày 30/11/2017 âm lịch, nhưng bà Tr thì cho rằng bà có vay của bà T 22.000.000đ vào ngày 30/10/2015. Hình thức trả là mỗi tháng góp 660.000đ cho đến khi trả hết nợ. Từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2017 tổng cộng bà đã góp cho bà T được 17.820.000đ nhưng không làm biên nhận. Bà chỉ còn nợ bà T là 4.180.000đ.

Xét thấy, lời trình bày của bà Tr không có chứng cứ chứng minh mà chỉ là lời trình bày miệng. Bà Tr thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 30/11/2017 là của bà, nên có căn cứ xác định bà Tr đã vay của bà T 22.000.000đ ngày 30/11/2017 (âm lịch). Bà Tr cho rằng đã trả 17.820.000đ chỉ còn nợ bà T là 4.180.000đ nhưng bà cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện là đã trả nợ cho bà T và bà T cũng không thừa nhận. Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Tr trả 22.000.000đ tiền vay gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Bà T yêu cầu mức lãi suất bà Tr phải trả là 0,75%/tháng theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước tính từ tháng 01/12/2017 âm lịch (tức ngày 17/01/2018 dương lịch) cho đến khi xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2018 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Cụ thể: $(22.000.000đ \times 6 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}) = 1.144.000đ$.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà Tr và ông H cho rằng ông H không biết gì về việc vay tiền giữa bà T và bà Tr. Bà Tr cho rằng vợ chồng bà đã ly thân được 01 năm nhưng chưa làm thủ tục ly hôn. Mục đích bà vay tiền là để chơi hụi. Xét thấy, khoản nợ của bà Tr phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà Tr và ông H không chứng minh được bà Tr sử dụng tiền vay để sử dụng riêng cho cá nhân bà Tr. Căn cứ vào điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Do đó, ông H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vay và lãi phát sinh cho bà T.

Từ các căn cứ trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T như lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Phạm Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T 22.000.000đ và lãi suất tính đến ngày 14/8/2018 là 1.144.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 23.144.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Tr và ông Phạm Văn H phải chịu 1.157.200đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Áp dụng điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị Tr, ông Phạm Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Phạm Văn H phải liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền là 23.144.000đ (Trong đó tiền gốc là 22.000.000đ và lãi suất là 1.144.000đ).

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Tr, ông Phạm Văn H phải liên đới trả thêm một khoản tiền lãi trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tr, ông Phạm Văn H phải liên đới chịu 1.157.200đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị T 550.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003296 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng